

CTCP ĐẦU TƯ THẾ GIỚI DI ĐỘNG (HOSE: MWG)

Kết quả kinh doanh cốt lõi* tích cực như kỳ vọng

Cập nhật KQKD Q3/2024:

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận 34.361 tỷ VND (-0,07% QoQ, +12,58% YoY); tuy vậy, LNST ghi nhận 800 tỷ VND (-31,74% QoQ, +1965% YoY) nhờ vào sự cải thiện trong nhu cầu tiêu dùng đối với mặt hàng ICT & CE cũng như thực phẩm (Bách Hóa Xanh). Biên lợi nhuận gộp duy trì ở mức 20,2%, giảm nhẹ so với Quý 2/2024, tăng 1,4 điểm phần trăm svck tuy nhiên lại giảm nhẹ 1,2 điểm phần trăm sv quý trước (Q3/23: 18,7%, Q2/24: 21,4%). Cụ thể:

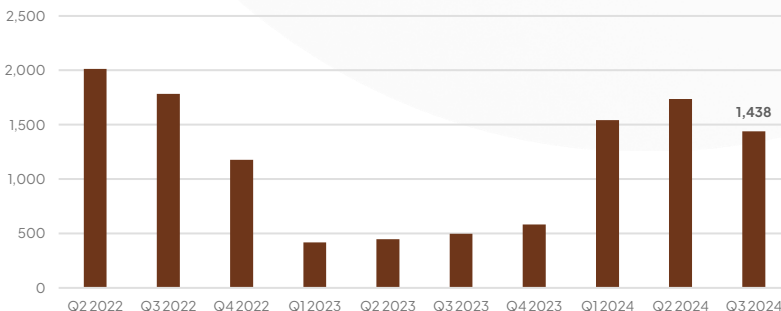
- **Thế giới di động:** Doanh thu ghi nhận 8.132 tỷ đồng (+11% svck), TGDD chỉ còn 1.023 cửa hàng, giảm 4% svck (Q3/23: 1.066; Q2/24: 1.046). Doanh thu/cửa hàng đạt 2,6 tỷ đồng/tháng, tăng 15% svck (Q3/23: 2,3, Q2/24: 2,1) chủ yếu nhờ vào việc tăng giá bán sản phẩm trên mức nền thấp cùng kỳ.
- **Điện Máy Xanh:** Doanh thu ghi nhận 14.318 tỷ đồng (+6% svck), ĐMX chỉ còn 2.030 cửa hàng, giảm 11% svck (Q3/23: 2.286; Q2/24: 2.093). Doanh thu/cửa hàng đạt 2,5 tỷ đồng/tháng, tăng 17% svck (Q3/23: 2,0; Q2/24: 2,5).
- **Bách Hóa Xanh:** Doanh thu ghi nhận 10.840 tỷ đồng (+26% svck), số cửa hàng liên tục được gia tăng mạnh mẽ sau giai đoạn BHX có lãi, đến cuối Q3/24 có 1.726 cửa hàng BHX, tăng 1,2% svck (Q3/23: 1.706; Q2/24: 1.701). Nhờ vào chiến lược đẩy mạnh sản phẩm tươi sống và nhu cầu đồ khô gia tăng, trung bình doanh thu/cửa hàng đạt 2,1 tỷ đồng, tăng 25% svck (Q3/23: 1,7; Q2/24: 2,0).
- **An Khang:** Số nhà thuốc An Khang chỉ còn 326, giảm 39% svck (Q3/23: 540, Q2/24: 481). Chúng tôi nhận thấy An Khang đã dẫn đến bước cuối tái cấu trúc khi số cửa hàng T9/2024 đã ngừng đà giảm, các nhà thuốc còn lại có hoạt động kinh doanh tương đối hiệu quả.

Trong Q3/2024, Bách Hóa Xanh ghi nhận lãi 90 tỷ đồng, An Khang lỗ ròng khoảng 148 tỷ đồng trong khi TGDD & ĐMX lãi khoảng 900 tỷ đồng. Trong quý, MWG có thêm nhiều chi phí đóng cửa hàng 1 lần từ chuỗi An Khang và TGDD, ĐMX, do đó tổng chi phí khác tăng mạnh, ghi nhận 258 tỷ đồng. Bên cạnh đó, MWG có ghi nhận thêm 1 khoản ~80 tỷ đồng từ việc giải thể Trần Anh. Do đó, tổng lợi nhuận ròng ghi nhận 800 tỷ đồng (x20 lần svck) tuy nhiên giảm 32% sv quý trước do việc ghi nhận nhiều khoản chi phí 1 lần từ MWG. **Tuy nhiên, sau khi điều chỉnh lợi nhuận kinh doanh cốt lõi* đạt 1.438 tỷ VND (+369% y/y), vẫn rất tích cực theo quan điểm của chúng tôi.**

Lũy kế 9 tháng 2024, doanh thu và lợi nhuận ròng đạt lần lượt 99.767 và 2.875 tỷ đồng, hoàn tất lần lượt 80% và 120% mục tiêu 2024 của MWG.

Lợi nhuận kinh doanh cốt lõi đã điều chỉnh*

Đơn vị: tỷ VND



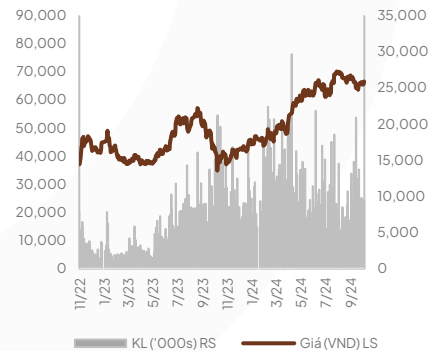
* Lợi nhuận kinh doanh cốt lõi, điều chỉnh lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư và khoản chi phí từ giải thể Trần Anh trong Q3/2024. Không bao gồm lợi nhuận tài chính.

Ngành	Bán lẻ
Khuyến nghị	Mua
Giá mục tiêu 1Y	86.300 đồng/cp
Giá cp 30/10/2024	66.500 VND/cp
Upside (%)	30%

THÔNG TIN GIAO DỊCH

Mã giao dịch	HOSE: MWG
KLGD TB 52 tuần	9.509.412
Khối lượng lưu hành	1.461.915.388
Biên độ 52 tuần	34.823 đ – 70.000 đ
Vốn hóa doanh nghiệp	97.026 tỷ VND
Beta	1,45
Sở hữu NĐTNN	47,05%

Diễn biến giá cổ phiếu MWG



QUICK NOTE – Analyst Meeting MWG (Q3/2024)

PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH

PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng Cân đối Kế toán	2022	2023	2024F	2025F
Tài Sản Ngắn Hạn	44.578	51.947	60.085	67.226
Tiền và Tương đương tiền	5.061	5.366	4.525	6.632
Đầu tư ngắn hạn	10.069	18.937	26.440	28.440
Khoản phải thu ngắn hạn	3.001	5.159	5.449	5.844
<i>Khoản Phải Thu Còn Lại</i>	2.984	3.073	3.364	3.758
<i>Cho vay ngắn hạn</i>	17	2.086	2.086	2.086
Hàng tồn kho	25.696	21.824	22.894	25.441
<i>Giá gốc</i>	26.058	22.029	23.162	25.739
<i>Dự Phòng</i>	(362)	(204)	(268)	(298)
Tài sản ngắn hạn khác	750	661	778	869
Tài Sản Dài Hạn	11.256	8.161	5.686	3.842
Khoản phải thu dài hạn	503	458	458	458
Tài sản cố định	9.728	6.500	3.920	1.472
<i>Giá gốc</i>	20.932	20.230	20.355	20.641
<i>Khấu hao lũy kế</i>	(11.204)	(13.729)	(16.435)	(19.168)
Tài sản dở dang	124	4	4	4
Đầu tư dài hạn	231	747	487	1.145
Tài sản dài hạn khác	671	452	817	762
TỔNG TÀI SẢN	55.834	60.108	65.771	71.068
Nợ Ngắn Hạn	26.000	30.762	34.084	37.714
Phải trả người bán	8.746	7.927	9.927	11.031
Thuế & khoản phải nộp NN	764	418	645	720
Phải trả người lao động	475	438	506	565
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.180	1.373	1.944	2.173
Vay ngắn hạn	10.688	19.129	18.553	20.420
Phải trả ngắn hạn khác	3.146	1.477	2.509	2.804
Nợ Dài Hạn	5.901	5.986	5.234	5.106
Vay dài hạn	5.901	5.985	5.233	5.105
Phải trả dài hạn khác	-	1	1	1
Vốn Chủ Sở Hữu	23.933	23.360	26.454	28.248
Vốn góp của chủ sở hữu	14.639	14.634	14.622	14.622
Thặng dư vốn cổ phần	558	558	558	558
LNST chưa phân phối	8.724	8.160	11.261	13.049
Lợi ích CĐ không kiểm soát	15	13	18	24
VCSH khác	(3)	(6)	(6)	(6)
TỔNG NGUỒN VỐN	55.834	60.108	65.771	71.068

Bảng Kết quả Kinh doanh	2022	2023	2024F	2025F
Doanh thu thuần	133.405	118.280	139.139	155.477
Giá vốn hàng bán	(102.543)	(95.759)	(110.295)	(122.567)
Lợi nhuận gộp	30.862	22.521	28.844	32.910
Chi phí bán hàng & quản lý	(24.218)	(22.114)	(23.514)	(25.965)
Lợi nhuận hoạt động	6.644	407	5.329	6.945
Khấu hao	3.540	3.381	2.706	2.733
EBITDA	10.185	3.788	8.035	9.678
Thu nhập tài chính	1.313	2.167	2.367	2.776
Chi phí tài chính	(1.383)	(1.556)	(1.575)	(1.588)
<i>Chi phí lãi vay</i>	(1.362)	(1.448)	(1.467)	(1.479)
Lợi nhuận khác	(518)	(328)	(237)	(264)
Lợi nhuận trước thuế	6.056	690	5.856	7.924
Chi phí thuế	(1.955)	(522)	(1.288)	(1.743)
Lợi nhuận sau thuế	4.102	168	4.568	6.181
Cổ đông không kiểm soát	2	0	4	6
Công ty mẹ	4.100	168	4.564	6.175
EPS	2.802	115	3.121	4.223

Lưu chuyển Tiền tệ	2022	2023	2024F	2025F
Dòng tiền CFO	7.976	3.436	7.328	4.867
Dòng tiền CFI	1.549	(10.831)	(5.367)	(113)
Dòng tiền CFF	(8.606)	7.700	(2.802)	(2.647)
Dòng tiền ròng trong kỳ	919	304	(841)	2.107
Ảnh hưởng tỷ giá	(0)	0	-	-
Tiền cuối kỳ	5.061	5.366	4.525	6.632

Khả năng Sinh lợi	2022	2023	2024F	2025F
Gross Profit Margin (%)	23,1%	19,0%	20,7%	21,2%
EBIT margin (%)	5,0%	0,3%	3,8%	4,5%
EBITDA margin (%)	7,6%	3,2%	5,8%	6,2%
Net margin (%)	3,1%	0,1%	3,3%	4,0%
ROA (%)	6,9%	0,3%	7,3%	9,0%
ROE (%)	18,5%	0,7%	18,3%	22,6%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo, Phòng Phân tích chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân tích không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích cùng các định giá nằm trong báo cáo phân tích (nếu có) nhằm mục đích tham khảo và không có giá trị pháp lý như một chứng thư thẩm định giá. Báo cáo phân tích và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân tích - CTCP Chứng Khoán LPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán LPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank

Tòa nhà Thaisquare The Merit

43-45-47 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 730 98198

Phòng Phân tích

Email: research@lpbs.com.vn